

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2023

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dữ và bà Phạm Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 56/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 2001; ĐKKHKT & trú tại: Xóm 12, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1993; ĐKKHKT & trú tại: Xóm 9, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn chị Phạm Thị L trong đơn khởi kiện ngày 13/03/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân C đăng ký kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2020 tại UBND xã K, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh C ở xóm 9, xã K. Sống được một thời gian thì vợ chồng đi làm ăn xa tại miền Nam. Trong quá trình đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vì mâu thuẫn nên anh C đã bỏ về quê để chị một mình tiếp tục ở lại miền Nam làm ăn. Được một thời gian sau, chị cũng về nhà mẹ đẻ tại xóm 12, xã Q sống ly thân với anh C.

Theo chị L nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh C hay ghen tuông vô cớ, thường chửi bới xúc phạm chị. Một phần nguyên nhân do vợ chồng về chung sống đã lâu nhưng không có con chung. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả nên chị và anh C đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Phạm Thị L xác định vợ chồng chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Phạm Thị L xác định vợ chồng chị không tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Xuân C trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản sự việc các ngày 18/04/2023 và 25/5/2023 thể hiện:

Thời điểm thụ lý vụ án anh C có mặt tại địa phương nơi đăng ký thường trú. Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị S là mẹ đẻ anh C nhận thay và bà S xác nhận đã gửi cho anh C các văn bản này. Quá trình giải quyết vụ án, anh C không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Bản thân anh cũng biết việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh nhưng do anh làm công việc tự do, đi làm công trình, khoảng nửa tháng về một lần; không có nơi làm việc cố định, không có thời gian đến Tòa án làm việc trực tiếp nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh. Anh xác nhận, do mâu thuẫn vợ chồng, anh và chị L đã sống ly thân từ tháng 10/2022, nay chị L yêu cầu ly hôn, anh nhất trí.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18/07/2023, anh C trình bày quan điểm như sau: anh nhất trí ly hôn, về tài sản và con cái anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L giữ nguyên quan điểm của mình

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện tương đối đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Xuân C; Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Xuân C đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm 9, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân C đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, anh C vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Xuân C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2020 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 9, xã K được một thời gian thì vợ chồng đi làm ăn tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống tại đó, giữa anh chị mới phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị L nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh C hay ghen tuông vô cớ, thường chửi bới xúc phạm chị. Tuy nhiên chị không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho trình bày này. Một phần nguyên nhân, chị L xác định do vợ chồng về chung sống đã lâu nhưng không có con chung. Về phía anh C không nêu lý do, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn nhưng anh nhất trí ly hôn.

Xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh C, chị L tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên thời gian gần đây chị L, anh C không còn chung sống với nhau nữa, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ do anh C và chị L chưa hòa giải tại cơ sở.

Bà S là mẹ đẻ của anh C cung cấp: anh C và chị L có đăng ký kết hôn sau đó về chung sống tại nhà bà một thời gian ngắn thì đã đi làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh. Bà không rõ quá trình chung sống hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn gì, đến tháng 10/2022 chị L về nhà mẹ đẻ ở không còn chung sống với anh C nữa. Sau đó khoảng hơn 1 tháng anh C cũng về quê không còn sống ở thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi anh C về nhà bà sinh sống, chị L không quay về ở cùng.

Như vậy mặc dù không xác định được chính xác nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn nhưng cả chị L và anh C đều xác nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2022, hiện không còn chung sống với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho các bên có thời gian hòa giải, suy nghĩ nhưng không có kết quả; cả hai đều không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị L và anh C hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của chị L giải quyết ly hôn anh C là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung và tài sản chung: chị L và anh C đều xác định không có con chung, tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị L với anh Nguyễn Xuân C.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4813 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh